

Số: 97 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực thu phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BTNMT ngày 07/5/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành danh mục lĩnh vực, ngành sản xuất, chế biến có nước thải chứa kim loại nặng phục vụ tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 42/TTr-TNMT ngày 20/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nhiệm vụ:

1.1. Thực hiện điều tra, thống kê, phân loại, cập nhật, quản lý đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hàng năm, cơ quan thu phí xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thống kê, rà soát, điều chỉnh phân loại các đối tượng nộp phí cố định và phí biến đổi, đối tượng nộp phí thuộc danh mục và không thuộc danh mục theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Nâng cao chất lượng thẩm định tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn.

Cơ quan thu phí bố trí bộ phận chuyên trách xem xét nhu cầu hợp tác với người có chuyên môn để thực hiện công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Bộ phận thu phí trực tiếp thẩm định tờ khai nộp phí của các đối tượng nộp phí trên địa bàn, lưu trữ, cập nhật số liệu và có trách nhiệm tham mưu trong việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích để thẩm định tờ khai nộp phí của các đối tượng.

1.3. Kiểm tra việc thực hiện kê khai nộp phí bảo vệ môi trường của các đối tượng trên địa bàn. Kiểm tra, xem xét, tham mưu cho người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trong việc kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn.

2. Giải pháp:

2.1. Tăng cường công tác tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bộ phận thu phí.

Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến những quy định của pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp tới người dân, doanh nghiệp (các đối tượng nộp phí) thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

2.2. Tăng cường năng lực quản lý hoạt động thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

Cơ quan thu phí bố trí bộ phận chuyên trách có trình độ chuyên môn phù hợp thực hiện công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; có trách nhiệm xây dựng quy trình thu phí, quản lý phí hàng năm đảm bảo phù hợp thực tế và đúng quy định; bố trí cán bộ tham gia các đoàn kiểm tra, thanh tra có liên quan đến việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; được phép xử dụng một phần kinh phí để lại đơn vị để ký hợp đồng, hợp tác với các cán bộ có chuyên môn, cơ quan chức năng thực hiện giám sát hoặc tham gia tổ chức thực hiện đo đạc, lấy mẫu nước thải, tăng cường việc đốc, thẩm định tờ khai nộp phí, quản lý hồ sơ các đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

2.3. Hàng năm, cơ quan thu phí chủ động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, đôn đốc việc lập tờ khai phí, việc chấp hành nộp phí theo thông báo nộp phí của các đối tượng nộp phí trên địa bàn; phối hợp với UBND các huyện, thành phố triển khai công tác thống kê, rà soát các đối tượng nộp phí, tham mưu cho người có thẩm quyền xử lý vi phạm đối với các đối tượng không thực hiện kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định.

2.4. Thực hiện công tác khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong cơ quan thu phí hoặc tổ chức, cá nhân khác có thành tích trong công tác thu phí. Căn cứ kết quả công tác thu phí hàng năm, cơ quan thu phí thực hiện công tác khen thưởng đối với hoạt động thu phí theo quy định, hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thu, nộp phí.

3. Kinh phí thực hiện Đề án:

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án:

- Phần phí để lại cho cơ quan thu phí (15%) từ năm 2005 đến hết 6 tháng đầu năm 2013.

- Phần phí để lại cho cơ quan thu phí (20%) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 19/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

4. Cơ quan thu phí và chủ trì thực hiện Đề án: Chi cục bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục bảo vệ môi trường triển khai các nội dung của Đề án và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế, Chi cục bảo vệ môi trường, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

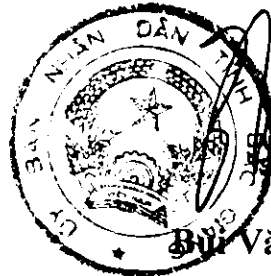
Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT5.

Bản điện tử:

- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- LDVP; TPKT, MT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Hạnh